BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3338/BTC-QLCS V/v giảm tiền thuê đất theo các Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.	*Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2017*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 1004
Ngày: 17.3.17
Chuyển: c.c.c.

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 114/TTg-NN ngày 23/01/2017; Bộ Tài chính hướng dẫn việc tiếp tục xem xét giảm 50% tiền thuê đất theo quy định tại các Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ, Quyết định số 2093/QĐ-TTg ngày 23/11/2011, Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ đối với các trường hợp đã nộp hồ sơ đến trước ngày 23/01/2017 (ngày Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Công văn số 114/TTg-NN ngày 23/01/2017) nhưng chưa được giải quyết và việc chậm nộp hồ sơ không phải do nguyên nhân từ phía người được Nhà nước cho thuê đất (cơ quan nhà nước chậm xác định đơn giá thuê đất, điều chỉnh đơn giá thuê đất theo quy định của pháp luật) như sau:

1. Thực hiện xem xét các hồ sơ đã nộp đúng quy định từ sau ngày 31/12/2014 đến trước ngày 23/01/2017 để được giảm 50% tiền thuê đất phải nộp trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2014.

2. Việc xem xét giảm tiền thuê đất phải đúng đối tượng được quy định tại Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ; Quyết định số 2093/QĐ-TTg ngày 23/11/2011, Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ và các Thông tư, văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trong đó:

a) Đối với các trường hợp đã nộp tiền thuê đất hàng năm (chưa được giảm) theo thông báo của cơ quan thuế trong thời gian chưa được giảm tiền thuê đất theo các Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì được giảm 50% số tiền thuê đất đã nộp theo quy định tương ứng với thời gian được giảm; trường hợp sau khi được giảm mà số tiền thuê đất phải nộp vẫn lớn hơn 02 lần số tiền thuê đất phải nộp của năm 2010 thì được tiếp tục giảm đến mức số tiền thuê đất phải nộp bằng 02 lần số phải nộp của năm 2010. Số tiền thuê đất nộp thừa được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

b) Đối với các trường hợp đã tạm nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế trong thời gian chưa được giảm tiền thuê đất theo các Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì thực hiện xác định số tiền thuê đất phải nộp theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện giảm tiền thuê đất

tính trên số tiền thuê đất phải nộp. Trường hợp số tiền đã tạm nộp cao hơn số tiền phải nộp (sau khi đã trừ số tiền được giảm theo quy định) thì số tiền thuê đất nộp thừa được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

c) Đối với các trường hợp chưa nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế và chưa được giảm tiền thuê đất theo các Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, khi được xem xét giảm tiền thuê đất theo các Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Công văn này, ngoài số tiền thuê đất còn phải nộp sau khi được giảm thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Việc giảm tiền thuê đất cho các đối tượng được thực hiện theo từng năm tương ứng với từng Nghị quyết, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định giảm tiền thuê đất và số tiền được giảm thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 83/2012/TT-BTC ngày 23/5/2012, Thông tư số 16/2013/TT-BTC ngày 08/2/2013 và Công văn số 17969/BTC-QLCS ngày 31/12/2011 của Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo thực hiện theo hướng dẫn nêu trên. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để phối hợp xử lý theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các Bộ: TP, TN&MT, KHĐT;
- TCT, các Vụ: PC, CST;
- Lưu: VT, QLCS.(80)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Chí